

Số: 64 /BC-UBND

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO
Kết rà soát xã, thôn bản hoàn thành mục tiêu
Chương trình 135 năm 2018

Thực hiện Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành tiêu chí xác định xã, thôn hoàn thành mục tiêu Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Công văn số 146/UBND-VP135 ngày 28/02/2019 của Ủy ban Dân tộc về việc thực hiện Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ báo cáo số 87/BC-BDT ngày 19/4/2019 của Ban Dân tộc tỉnh và kết quả thẩm định của các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội; Y tế; Giao thông, Vận tải; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo; Ban Dân tộc tỉnh; Văn phòng Điều phối Nông thôn mới, tại Hội nghị ngày 17/4/2019 về rà soát thẩm định xã, thôn bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2018.

UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo Ủy ban Dân tộc kết quả rà soát xã, thôn bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2018, như sau:

1. Số xã, thôn bản đăng ký hoàn thành Chương trình 135 năm 2018

- Xã ĐBKK hoàn thành Chương trình 135 năm 2018 là 05 xã;
- Thôn, bản hoàn thành Chương trình 135 năm 2018 là 55 thôn, bản.

2. Cách thức tổ chức rà soát xã, thôn bản hoàn thành mục tiêu
Chương trình 135 năm 2018

Căn cứ Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành tiêu chí xác định xã, thôn hoàn thành mục tiêu Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Công văn số 146/UBND-VP135 ngày 28/02/2019 của Ủy ban Dân tộc về việc thực hiện Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Công văn số 1550/UBND-VX ngày 01/02/2019, số 2709/UBND-VX ngày 11/3/2019, trong đó giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có liên quan tiến hành rà soát các xã, thôn bản hoàn thành

mục tiêu Chương trình 135 năm 2018 theo đúng các tiêu chí quy định tại Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg.

UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 về việc thành lập Tổ thẩm định xã, thôn bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg và rà soát, sửa đổi bổ sung thôn ĐBKK, xã khu vực I, II, III vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thành phần gồm các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội; Y tế; Giao thông Vận tải; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo; Ban Dân tộc; Văn phòng Điều phối Nông thôn mới.

Căn cứ báo cáo kết quả rà soát của các huyện gửi về, số liệu cung cấp của các sở, ngành cấp tỉnh, Ban Dân tộc đã tổ chức tổng hợp, đối chiếu các số liệu có liên quan đã được cấp có thẩm quyền công nhận, đồng thời tiến hành thẩm định, rà soát các xã, thôn bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 theo đúng các tiêu chí quy định tại Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg. Tổ chức Hội nghị thẩm định kết quả rà soát xã, thôn bản hoàn thành Chương trình 135 năm 2018, thành phần gồm đại diện Lãnh đạo các sở, ban ngành có liên quan theo Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về thành lập Tổ thẩm định cấp tỉnh.

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổ thẩm định, báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh, UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo kết quả rà soát xã, thôn bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2018.

3. Kết quả rà soát

3.1. Rà soát xã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2018:

- Tổng số xã ĐBKK thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là 100 xã.

- Số xã ĐBKK hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2018 trên địa bàn tỉnh là 05 xã.

3.2. Rà soát thôn, bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2018:

- Tổng số thôn, bản ĐBKK thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Ủy ban Dân tộc về phê duyệt danh sách thôn ĐBKK vào diện đầu tư của Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là 181 thôn, bản.

- Số thôn, bản ĐBKK sáp nhập, chia tách thực hiện rà soát theo Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 75 thôn, bản.

- Số thôn, bản ĐBKK thực hiện rà soát theo Quyết định số 03/2019/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ là 106 thôn, bản.

- Số thôn, bản ĐBKK hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2018 là 55 thôn, bản.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị Ủy ban Dân tộc báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương kết quả rà soát, xác định xã, thôn bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2018 đối với các xã, thôn bản như sau:

- Danh sách xã đề nghị: 05 xã

- Danh sách thôn, bản đề nghị: 55 thôn, bản.

(Gửi kèm biên bản thẩm định rà soát xã, thôn bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2018 và báo cáo kết quả rà soát xã, thôn bản hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 của các huyện).

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa báo cáo Ủy ban Dân tộc./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

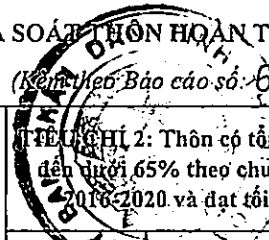
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

BIỂU RÀ SOÁT THÔN HOÀN THÀNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2016 - 2020, TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Báo cáo số 04 /BC-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)





TT	Xã - Thôn, bản	Tiêu chí 1: Thôn của xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện				Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Trục chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m2 trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m2 trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Trục chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m2 trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m2 trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
I	MƯỜNG LÁT											
	Thị trấn Mường Lát											
1	Khu I (Bản Poong)	Không đạt	61,66	Không đạt	Đạt	Không đạt				Không hoàn thành		
2	Khu III (Pom Bưởi)	Không đạt	46,84				Đạt	Đạt	Không đạt	Hoàn thành		
II	QUAN SON											
	Thị trấn Quan Sơn											
1	Khu 2	Không đạt	70,18							Không hoàn thành		
III	QUAN HÓA											
	Thị trấn Quan Hóa											
1	Khu 6	Không đạt	31,32				Đạt	Không đạt	Không đạt	Hoàn thành		
	Xã Xuân Phú											
1	Bản Khiêu										Sáp nhập	
IV	LANG CHÁNH											
	Xã Quan Hiến											
1	Thôn Bang										Sáp nhập	
2	Thôn Oi	Không đạt	38,6				Không đạt	Không đạt	Đạt	Hoàn thành		
3	Thôn Phổng										Sáp nhập	

TT	Xã - Thôn, bản	Tiêu chí 1: Thôn của xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện			Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Thực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m2 trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m2 trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Thực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m2 trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m2 trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Thôn Tiu		55	Đạt	Không đạt	Đạt				Hoàn thành	
5	Thôn Trùng		40,7				Đạt	Không đạt	Đạt	Hoàn thành	
V BẢ THƯỚC											
<i>Xã Ái Thượng</i>											
1	Thôn Cón	Không đạt	85,91							Không hoàn thành	
2	Thôn Mé	Không đạt	73,34							Không hoàn thành	
3	Thôn Tôm	Không đạt	54,65				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
4	Thôn Giỏi	Không đạt	30,11				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
<i>Xã Lương Trung</i>											
1	Thôn Phú Sơn	Không đạt	78,84							Không hoàn thành	
2	Thôn Trung Sơn	Không đạt	40,6				Đạt	Không đạt	Không đạt	Hoàn thành	
3	Thôn Chòm Thái	Không đạt	38,19				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
4	Thôn Trung Thành	Không đạt	32,96				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
<i>Xã Thiết Kế</i>											
1	Thôn Kế	Không đạt	65,1							Không hoàn thành	
<i>Xã Lương Ngoại</i>											
1	Thôn Công	Không đạt	94,74							Không hoàn thành	
<i>Xã Diên Thượng</i>											
1	Thôn Thượng Sơn	Không đạt	82,09							Không hoàn thành	
2	Thôn Chiềng Má	Không đạt	42,78				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
<i>Xã Hạ Trung</i>											



TT	Xã - Thôn, Ban	Tiêu chí 1: Thôn của xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện			Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Thực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa \geq 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Thực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa \geq 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thôn Môn										Sáp nhập
2	Thôn Man										
	Xã Thiết Ống										
1	Thôn Sặng	Không đạt	84,67							Không hoàn thành	
2	Thôn Thành Công	Không đạt	38,38				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
3	Thôn Thiết Giang	Không đạt	56,52	Không đạt	Đạt	Không đạt				Không hoàn thành	
4	Thôn Cốc	Không đạt	51,02				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
	Xã Ban Công										
1	Thôn Nghĩa	Không đạt	18,1				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
VI	CẨM THỦY										
	Xã Cẩm Thành										
1	Thôn Bèo										Sáp nhập, đổi tên
2	Thôn Bọt										
3	Thôn Trẹn										
4	Thôn Ngọc										
5	Thôn Khạ										
6	Thôn Ẽn										
7	Thôn Chanh										
	Xã Cẩm Thạch										
1	Thôn Tráy	Không đạt	35,8				Đạt	Không đạt	Không đạt	Hoàn thành	

TT	Xã - Thôn, bản	Tiêu chí 1: Thôn của xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện			 Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Trục chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Cơ sở văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Trục chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Cơ sở văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Thôn Bẹt										
3	Thôn Thủy										Sáp nhập
	<i>Xã Cẩm Châu</i>										
1	Thôn Trung Chính										
2	Thôn Quần										Sáp nhập
	<i>Xã Cầu Tâm</i>										
1	Thôn Lau										
2	Thôn Bồng										Sáp nhập
3	Thôn Trong										
	<i>Xã Cẩm Quý</i>										
1	Thôn Trang										
2	Thôn Quý Lâm										Sáp nhập
	<i>Xã Cẩm Giang</i>										
1	Thôn Sun										Sáp nhập
VII	NGỌC LẠC										
	<i>Xã Quang Trung</i>										
1	Thôn Quang Thủy	Không đạt	37,03				Đạt	Không đạt	Đạt	Hoàn thành	
2	Thôn Quang Tọa										
3	Thôn Quang Thắng										Sáp nhập
	<i>Xã Cao Ngọc</i>										


TT	Xã - Thôn/bản	 Tiêu chí 1: Xã/Thôn cũ và thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện				Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Trực tiếp đường giao thôn thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa \geq 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Trực tiếp đường giao thôn thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa \geq 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Làng Chủ	Không đạt	46,07				Đạt	Không đạt	Không đạt	Hoàn thành		
2	Làng Cồn										Sáp nhập	
	<i>Xã Nguyệt Ấn</i>											
1	Làng Mới										Sáp nhập, đổi tên	
2	Thôn Đông Trại											
3	Làng Ươu											
4	Làng Tường											
5	Làng Nán											
6	Thôn Đông Keo											
7	Thôn Đông Cạn											
	<i>Xã Minh Sơn</i>											
1	Thôn Minh Nguyên	Không đạt	22,61				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành		
	<i>Xã Kiên Thọ</i>											
1	Thôn Thành Công	Không đạt	27,27				Đạt	Không đạt	Đạt	Hoàn thành		
2	Thôn Thọ Liên	Không đạt	27,42				Đạt	Đạt	Đạt	Hoàn thành		
3	Thôn Thông Nhất	Không đạt	27,73				Không đạt	Đạt	Đạt	Hoàn thành		
	<i>Xã Đông Thịnh</i>											
1	Làng Bương										Sáp nhập	
	<i>Xã Phùng Minh</i>											
1	Làng Chu	Không đạt	50				Đ	Đ	Không đạt	Hoàn thành		
2	Làng Thượng	Không đạt	29,59				Đ	Không đạt	Đ	Hoàn thành		

TT	Xã - Thôn, bản	Tiêu chí 1: Thôn của xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện			Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Trực chỉnh đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m2 trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m2 trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Trực chỉnh đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m2 trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m2 trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Thôn Tân Lập										
	<i>Xã Minh Tiến</i>										Sáp nhập
1	Thôn Tiến Sơn	Không đạt	48				Không đạt	Không đạt	Đạt	Hoàn thành	
2	Thôn Đồng Tiến										
3	Thôn Thành Phong										
4	Thôn Minh Phong										Sáp nhập
	<i>Xã Phúc Thịnh</i>										
1	Làng Bái	Đạt								Hoàn thành	
2	Làng Sòng	Đạt								Hoàn thành	
	<i>Xã Ngọc Trung</i>										
1	Thôn Tân Mỹ	Không đạt	35,88				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
2	Thôn Xuân Minh	Không đạt	34,11				Đạt	Không đạt	Đạt	Hoàn thành	
3	Thôn Quang Thành										Sáp nhập
	<i>Xã Lộc Thịnh</i>										
1	Làng Vịn										
2	Làng Dụn										
3	Làng Bãi Mỹ										Sáp nhập
	<i>Xã Phùng Giáo</i>										
1	Làng Chuối	Không đạt	22,37				Không đạt	Đạt	Không đạt	Hoàn thành	
2	Làng Phùng Sơn	Không đạt	65	Đ	Không đạt	Không đạt				Không hoàn thành	
3	Làng Bằng	Không đạt	26,04				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	



TT	Xã - Thôn, ấp	Tiêu chí 1: Xã của xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện				Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Thực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Thực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
4	Làng Châm	Không đạt	9,52				Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	Không hoàn thành		
5	Làng Bứa	Không đạt	48,52				Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	Không hoàn thành		
	<i>Xã Thủy Sơn</i>											
1	Thôn Cao Sơ										Sáp nhập	
2	Thôn Hoa Sơn											
3	Thôn Đông Sơn	Không đạt	63,08	Không đạt	Không đạt	Đạt				Không hoàn thành		
4	Thôn Tam Đồng	Không đạt	55,24	Không đạt	Không đạt	Đạt				Không hoàn thành		
5	Thôn Trung Sơn	Không đạt	55,49	Không đạt	Đạt	Đạt				Hoàn thành		
6	Thôn Phú Sơn	Không đạt	55,4	Không đạt	Không đạt	Đạt				Không hoàn thành		
7	Thôn Thanh Sơn										Sáp nhập	
VIII THƯỜNG XUÂN												
	<i>Xã Lương Sơn</i>											
1	Thôn Ngọc Thượng	Đạt								Hoàn thành		
2	Thôn Minh Ngọc	Đạt								Hoàn thành		
	<i>Xã Xuân Cẩm</i>											
1	Thôn Thanh Xuân	Không đạt	64,3	Không đạt	Không đạt	Đạt				Không hoàn thành		
2	Thôn Xuân Minh	Không đạt	50,9				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành		
3	Thôn Tiến Sơn 2	Không đạt	68,7							Không hoàn thành		
	<i>Xã Xuân Cao</i>											
1	Thôn Xuân Thắng										Sáp nhập	
2	Thôn Vinh Quang	Không đạt	35				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành		

TT	Xã - Thôn, bản	Tiêu chí 1: Thôn của xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện				Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Thực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa \geq 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Thực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa \geq 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
3	Thôn Thành Tiến											
4	Thôn Quyết Tiến	Không đạt	33,57				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	Sáp nhập	
	<i>Xã Luện Thành</i>											
1	Thôn Thành Thắng	Không đạt	59,7	Không đạt	Đạt	Không đạt				Không hoàn thành		
2	Thôn Thiệu Hợp											
3	Thôn Tiến Hưng 2	Không đạt		Đạt	Không đạt	Không đạt				Không hoàn thành	Sáp nhập	
IX	NHƯ XUÂN											
	<i>Xã Hòa Quý</i>											
1	Thôn Đồng Tâm											
2	Thôn Thịnh Lạc											
3	Thôn Thanh Xuân										Sáp nhập	
4	Thôn Thanh Lương	Đạt										
5	Thôn Xuân Đàm	Đạt								Hoàn thành		
	<i>Xã Xuân Quý</i>									Hoàn thành		
1	Thôn Xuân Thành											
2	Thôn Xóm Chuối	Đạt									Sáp nhập	
	<i>Xã Cát Vân</i>									Hoàn thành		
1	Thôn Văn Bình											
2	Thôn Văn Trung	Đạt									Sáp nhập	
3	Thôn Văn Tiến									Hoàn thành		
4	Thôn Văn Phúc										Sáp nhập	

TT	Xã - Thôn, Ban	 Tiêu chí 1: Thôn của xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện			Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Thực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa $\geq 50\%$)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Thực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa $\geq 50\%$)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Xã Tân Bình										
1	Thôn Tân Sơn										Sáp nhập, đổi tên
2	Làng Lung										
3	Thôn Thanh Bình										
4	Thôn Đức Bình										
5	Thôn Rọc Nái										
	Thị trấn Yên Cát										
1	Thôn Lúng										Sáp nhập
	Xã Bình Lương										
1	Thôn Hợp Thành										Sáp nhập
2	Làng Mái	Không đạt	59,5	Không đạt	Không đạt	Không đạt				Không hoàn thành	
	Xã Bãi Trành										
1	Thôn Me	Đạt								Hoàn thành	
	Xã Thượng Ninh										
1	Thôn Tiến Thành	Không đạt	45,7				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
2	Thôn Đồng Ngán	Không đạt	44,88				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
	Xã Xuân Bình										
1	Thôn Xuân Phú	Không đạt	26,84				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
2	Thôn Xuân Hợp	Không đạt	27,53				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
3	Thôn Mơ	Không đạt	17,9				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
4	Thôn Sim	Không đạt	23,46				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	

TT	Xã - Thôn, bản	Tiêu chí 1: Thôn của xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện				Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Trục chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa \geq 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Trục chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa \geq 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
5	Thôn Mít	Không đạt	17,46				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành		
X	NHƯ THANH											
	Xã Hải Long											
1	Thôn Tân Long	Đạt								Hoàn thành		
XI	THẠCH THÀNH											
	Xã Thạch Quãng											
1	Thôn Đồng Múc										Đổi tên	
	Xã Thành Vinh											
1	Thôn Cự Nhan										Đổi tên	
2	Thôn Tân Thành											
3	Thôn Hội Phú	Không đạt	38,58				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành		
4	Thôn Mỹ Lợi	Không đạt	41,56				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành		
	Xã Thạch Long											
1	Thôn 5	Không đạt	47,4				Đạt	Không đạt	Đạt	Hoàn thành		
	Xã Thạch Đồng											
1	Thôn Cự Môn	Không đạt	56,89	Đạt	Không đạt	Đạt				Hoàn thành		
	Xã Ngọc Trạo											
1	Thôn Ngọc Long	Không đạt	55,16	Đạt	Không đạt	Không đạt				Không hoàn thành		
2	Thôn Ngọc Thanh	Không đạt	56,25	Đạt	Không đạt	Không đạt				Không hoàn thành		
XII	TRIỆU SON											
	Xã Thọ Sơn											

TT	Xã - Thôn, ban	Tiêu chí 1: Thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện				Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Trực chỉnh đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa \geq 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Trực chỉnh đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa \geq 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Thôn 2											
2	Thôn 10										Sáp nhập	
3	Thôn 13											
4	Thôn 16											
XIII	THỌ XUÂN											
	Xã Quảng Phú											
1	Xóm 5	Đạt								Hoàn thành		
	Xã Xuân Phú											
1	Thôn Đồng Luông										Sáp nhập	
2	Thôn Làng Pheo	Đạt								Hoàn thành		
3	Thôn bản Lai	Đạt								Hoàn thành		
	Xã Xuân Thắng											
1	Thôn 9										Sáp nhập	
XIV	VĨNH LỘC											
	Xã Vĩnh Quang											
1	Thôn Quan Nhân	Đạt								Hoàn thành		
2	Thôn Tiên Ích 2	Đạt								Hoàn thành		
	Xã Vĩnh Long											
1	Thôn Tân Lập	Không đạt	31,66				Đạt	Đạt	Đạt	Hoàn thành		
2	Thôn Đồi Thợ	Không đạt	52,42				Đạt	Đạt	Đạt	Hoàn thành		
3	Thôn Đồi Mỏ	Không đạt	36				Đạt	Đạt	Đạt	Hoàn thành		

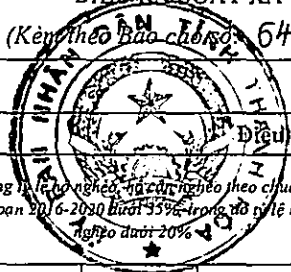
TT	Xã - Thôn, bản	Tiêu chí I: Thôn của xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện				Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Trực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa \geq 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Cơ sở văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Trực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa \geq 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Cơ sở văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m ² trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m ² trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
4	Thôn Bèo 2										Sáp nhập	
	Xã Vinh Hưng											
1	Làng Còng	Không đạt	55,97	Đạt	Đạt	Đạt				Hoàn thành		
2	Làng Mỹ Chi	Không đạt	57,78	Đạt	Đạt	Đạt				Hoàn thành		
3	Làng Cù Đông	Không đạt	57,21	Đạt	Đạt	Đạt				Hoàn thành		
4	Làng Nhân Sơn										Sáp nhập	
	Xã Vinh Hùng											
1	Thôn Việt Yên	Đạt								Hoàn thành		
2	Thôn Làng Mới	Đạt								Hoàn thành		
3	Thôn Sóc Sơn 1	Đạt								Hoàn thành		
4	Thôn Sóc Sơn 3	Đạt								Hoàn thành		
5	Thôn Đồng Mục	Đạt								Hoàn thành		
	Xã Vinh Thịnh											
1	Thôn Đồng Lừ	Đạt								Hoàn thành		
	Xã Vinh An											
1	Thôn Núi Sen	Không đạt	57,14	Đạt	Đạt	Đạt				Hoàn thành		
2	Thôn Núi Châu	Không đạt	57,27	Đạt	Đạt	Đạt				Hoàn thành		
3	Thôn Núi Ác Sơn	Không đạt	56,43	Đạt	Đạt	Đạt				Hoàn thành		
XV	TỈNH GIA											
	Xã Phú Lâm											
1	Thôn Trường Sơn	Không đạt	14,22				Đạt	Không đạt	Đạt	Hoàn thành		



TT	Xã - thôn	Tiêu chí 1: Thôn của xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn đạt chuẩn nông thôn mới	TIÊU CHÍ 2: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% đến dưới 65% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu 2 trong 3 điều kiện dưới đây				Tiêu chí 3: Thôn có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 55% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và đạt tối thiểu một trong ba điều kiện			Kết quả rà soát	Ghi chú
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Thực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m2 trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m2 trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)	Thực chính đường giao thông thôn, hoặc liên thôn được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới (tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%)	Từ 60% trở lên số phòng học cho lớp mẫu giáo, mầm non được xây dựng kiên cố	Có nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (DT đất QH NVH từ 100m2 trở lên; khu thể thao có DT từ 200 m2 trở lên; quy mô NVH từ 50 chỗ ngồi trở lên)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Thôn Đại Đồng	Không đạt	12,82				Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
3	Thôn Phú Thịnh	Không đạt	10,78				Đạt	Không đạt	Đạt	Hoàn thành	
4	Thôn Thịnh Hùng	Không đạt	11,57				Đạt	Không đạt	Đạt	Hoàn thành	
5	Thôn Khe Dừa										
	Xã Trường Lâm										
1	Thôn Minh Châu	Không đạt	65	Không đạt	Không đạt	Đạt				Không hoàn thành	
2	Thôn Trường Thanh	Không đạt	57	Không đạt	Không đạt	Đạt				Không hoàn thành	
3	Thôn Minh Lâm	Không đạt	59	Không đạt	Không đạt	Đạt				Không hoàn thành	
4	Thôn Tân Thanh	Không đạt	61	Không đạt	Không đạt	Đạt				Không hoàn thành	
	Xã Tùng Lâm										
1	Thôn Trường Sơn 2										Sáp nhập
XVI	YÊN ĐỊNH										
	Xã Yên Lâm										
1	Thôn Thăng Long	Đạt								Hoàn thành	
2	Thôn Phúc Trí	Đạt								Hoàn thành	
3	Thôn Quan Tri										Sáp nhập

Ghi chú: Các thôn chia tách, sáp nhập hoặc đổi tên thực hiện rà soát theo Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

BIỂU RÀ SOÁT XÃ HOÀN THÀNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
 (Kèm theo Báo cáo số 64 /BC-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)



TT	Huyện - Xã	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2: Đạt 4 điều kiện bắt buộc và tối thiểu 2 trong 6 điều kiện linh hoạt												Kết quả rà soát	
		Được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoặc được nâng lên phường, thị trấn	Điều kiện bắt buộc					Điều kiện linh hoạt								
			Có tổng lệ hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn giai đoạn 2016-2020 dưới 55% trong đó tỷ lệ hộ nghèo dưới 20%	Tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo (%)	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Kết quả	Dương giao thông đạt tiêu chí 2, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 - 2020	Trường tiêu học đạt tiêu chí 5, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Hệ thống thủy lợi đạt tiêu chí 3, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Diện đạt tiêu chí 4, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Cơ sở vật chất văn hóa đạt tiêu chí 6.1, 6.3 Bộ tiêu chí quốc gia về NTM	Đài truyền thanh đạt tiêu chí 8.3, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch đạt tiêu chí 17.1, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM		Có trên 15% đại diện hộ nghèo, cận nghèo trong xã và trên 50% tổng số cán bộ cơ sở đã được tập huấn nâng cao năng lực thuộc Chương trình 135 và các chương trình, dự án, chính sách khác giai đoạn 2016-2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
I HUYỆN MUỜNG LÁT																
1	Xã Mường Lý	Không đạt	72,88	68,22	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
2	Xã Tam Chung	Không đạt	63,85	53,93	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
3	Xã Quang Chiêu	Không đạt	54,78	38,80	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
4	Xã Tân Tân	Không đạt	43,86	29,69	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
5	Xã Nhi Sơn	Không đạt	81,09	68,82	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
6	Xã Trung Lý	Không đạt	70,78	60,13	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
7	Xã Mường Chanh	Không đạt	58,89	34,72	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
8	Xã Pù Nhi	Không đạt	65,01	54,48	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
II HUYỆN QUAN SƠN																
1	Xã Tam Lư	Đạt														Hoàn thành
2	Xã Sơn Điện	Không đạt	36,40	15,87	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
3	Xã Mường Mìn	Không đạt	24,19	12,78	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
4	Xã Na Mèo	Không đạt	38,75	24,62	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
5	Xã Sơn Thủy	Không đạt	33,70	27,80	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
6	Xã Tam Thanh	Không đạt	30,26	19,05	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
7	Xã Sơn Lư	Không đạt	38,41	20,58	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
8	Xã Sơn Hà	Không đạt	31,05	15,42	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
9	Xã Trung Thượng	Không đạt	31,56	17,06	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
10	Xã Trung Tiến	Không đạt	32,81	19,28	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
11	Xã Trung Hạ	Không đạt	42,04	20,80	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
12	Xã Trung Xuân	Không đạt	45,39	18,68	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
III HUYỆN QUAN HÓA																
1	Xã Phú Nghiêm	Không đạt	26,51	9,73	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Hoàn thành
2	Xã Hồi Xuân	Không đạt	47,34	14,20	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
3	Xã Thanh Xuân	Không đạt	54,88	16,28	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
4	Xã Phú Xuân	Không đạt	45,86	15,07	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
5	Xã Phú Lệ	Không đạt	47,48	14,15	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
6	Xã Phú Sơn	Không đạt	47,09	16,23	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
7	Xã Phú Thanh	Không đạt	51,09	16,52	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành

TT	Huyện - Xã	Tiêu chí 1 <i>Được cấp cả thẩm quyền công nhận đạt chuẩn năng suất mới hoặc được nâng lên phường, thị trấn</i>	Tiêu chí 2: Đạt 4 điều kiện bắt buộc và tối thiểu 2 trong 6 điều kiện linh hoạt													Kết quả rà soát
			Điều kiện bắt buộc						Điều kiện linh hoạt							
			<i>Có tăng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn giai đoạn 2016-2020 dưới 35%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo dưới 20%</i>			<i>Đường giao thông đạt tiêu chí 2, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 - 2020</i>	<i>Trường tiểu học đạt tiêu chí 5, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM</i>	<i>Đạt tiêu chí quốc gia về y tế</i>	<i>Hệ thống thủy lợi đạt tiêu chí 3, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM</i>	<i>Điện nội tiêu chí 4, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa đạt tiêu chí 6.1, 6.3 Bộ tiêu chí quốc gia về NTM</i>	<i>Dài truyền thanh đạt tiêu chí 8.3, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM</i>	<i>Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch đạt tiêu chí 17.1, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM</i>	<i>Có trên 15% đại diện hộ nghèo, cận nghèo trong xã và trên 50% tổng số cán bộ cơ sở đã được tập huấn nâng cao năng lực thuộc Chương trình 135 và các chương trình, dự án, chính sách khác giai đoạn 2016-2020</i>		
			<i>Tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo (%)</i>	<i>Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo (%)</i>	<i>Kết quả</i>											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
8	Xã Thành Sơn	Không đạt	46,54	18,34	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành	
9	Xã Trung Thành	Không đạt	55,78	19,61	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành	
10	Xã Trung Sơn	Không đạt	50,19	19,59	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành	
11	Xã Nam Xuân	Không đạt	54,98	12,48	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành	
12	Xã Nam Tiến	Không đạt	53,93	20,31	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành	
13	Xã Nam Động	Không đạt	51,65	17,85	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành	
14	Xã Hiền Chung	Không đạt	58,60	17,66	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành	
15	Xã Thiên Phú	Không đạt	50,51	18,23	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành	
16	Xã Hiền Kiệt	Không đạt	62,05	18,74	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành	
IV	HUYỆN LANG CHÁNH															
1	Xã Trí Nang	Không đạt	20,37	15,11	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
2	Xã Giao Thiện	Không đạt	28,40	18,24	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
3	Xã Yên Khương	Không đạt	47,66	25,30	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
4	Xã Tam Văn	Không đạt	47,69	17,74	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
5	Xã Lâm Phú	Không đạt	45,67	20,77	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
6	Xã Yên Thắng	Không đạt	50,75	28,39	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
7	Xã Tân Phúc	Không đạt	58,72	16,40	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
8	Xã Đồng Lương	Không đạt	38,17	15,90	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
V	HUYỆN BÁ THƯỚC															
1	Xã Diên Quang	Không đạt	23,88	9,97	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
2	Xã Lũng Niêm	Không đạt	56,07	15,71	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
3	Xã Cỗ Lũng	Không đạt	55,83	15,14	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
4	Xã Lương Nội	Không đạt	39,74	23,48	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
5	Xã Diên Hạ	Không đạt	39,90	19,70	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
6	Xã Lũng Cao	Không đạt	65,85	18,34	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
7	Xã Thành Lâm	Không đạt	42,10	15,47	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
8	Xã Thành Sơn	Không đạt	58,38	33,33	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
9	Xã Văn Nho	Không đạt	44,55	22,59	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành	
10	Xã Kỳ Tân	Không đạt	41,89	16,84	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành	
VI	HUYỆN CẨM THỦY															
1	Xã Cẩm Liên	Không đạt	36,29	9,14	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành	
2	Xã Cẩm Long	Không đạt	26,62	14,70	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành	
3	Xã Cẩm Phú	Không đạt	19,08	8,50	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Hoàn thành	
VII	HUYỆN NGỌC LẠC															

TT	Huyện - Xã	Tiêu chí 1		Tiêu chí 2: Đạt 4 điều kiện bắt buộc và tối thiểu 2 trong 6 điều kiện linh hoạt											Kết quả rà soát
		Được cấp và thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoặc được nâng lên phường, thị trấn	Cộng ty lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn giai đoạn 2016-2020 đạt 13,5% trong đó tỷ lệ hộ nghèo dưới 20%		Điều kiện bắt buộc				Điều kiện linh hoạt						
	Tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo (%)		Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Kết quả	Đường giao thông đạt tiêu chí 2, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 - 2020	Trường tiêu học đạt tiêu chí 5, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Hệ thống thủy lợi đạt tiêu chí 3, 8% tiêu chí quốc gia về xã NTM	Điện đạt tiêu chí 4, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Cơ sở vật chất văn hóa đạt tiêu chí 6.1, 6.3 Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Đời truyền thống đạt tiêu chí 8.3, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch và nước sinh hoạt đạt tiêu chí 17.1, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Cá trên 15% đại diện hộ nghèo, cận nghèo trong xã và trên 50% số cán bộ cơ sở đã được tập huấn nâng cao năng lực thuộc Chương trình 135 và các chương trình, dự án, chính sách khác giai đoạn 2016-2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Xã Mỹ Tân	Không đạt	35,44	16,71	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
2	Xã Thạch Lập	Không đạt	24,04	10,59	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
3	Xã Văn Am	Không đạt	55,41	17,60	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
VIII HUYỆN THƯỜNG XUÂN															
1	Xã Bát Mọt	Không đạt	53,90	28,87	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không hoàn thành
2	Xã Yên Nhân	Không đạt	60,46	20,41	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
3	Xã Luện Khê	Không đạt	62,17	31,24	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
4	Xã Tân Thành	Không đạt	36,52	13,62	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
5	Xã Xuân Thắng	Không đạt	68,08	25,55	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
6	Xã Xuân Lộc	Không đạt	59,57	24,89	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
7	Xã Vạn Xuân	Không đạt	47,01	13,97	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
8	Xã Xuân Lệ	Không đạt	62,74	26,14	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
9	Xã Xuân Chính	Không đạt	61,30	25,08	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
IX HUYỆN NHƯ XUÂN															
1	Xã Thanh Hòa	Không đạt	52,90	30,80	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
2	Xã Xuân Hòa	Không đạt	46,34	20,87	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
3	Xã Cát Tân	Không đạt	33,67	15,25	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
4	Xã Thanh Sơn	Không đạt	59,76	29,73	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
5	Xã Thanh Xuân	Không đạt	49,05	28,16	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
6	Xã Thanh Phong	Không đạt	44,75	30,43	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
7	Xã Thanh Quán	Không đạt	57,75	39,90	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
8	Xã Thanh Lâm	Không đạt	38,72	29,21	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
X HUYỆN NHƯ THANH															
1	Xã Xuân Khang	Không đạt	36,30	10,51	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
2	Xã Mậu Lâm	Đạt													Hoàn thành
3	Xã Xuân Phúc	Không đạt	27,29	9,74	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
4	Xã Xuân Thái	Không đạt	67,47	33,37	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
5	Xã Phúc Đường	Không đạt	26,38	9,96	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
6	Xã Cán Khê	Đạt													Hoàn thành
7	Xã Xuân Thọ	Không đạt	51,97	20,22	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
8	Xã Thanh Kỳ	Không đạt	57,99	25,11	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
9	Xã Thanh Tân	Không đạt	53,98	26,02	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành
10	Xã Phương Nghi	Không đạt	45,60	19,48	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
11	Xã Yên Lạc	Không đạt	56,29	8,55	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không hoàn thành

TT	Huyện - Xã	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2: Đạt 4 điều kiện bắt buộc và tối thiểu 2 trong 6 điều kiện linh hoạt												Kết quả rà soát
		Được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoặc được nâng lên phường, thị trấn	Điều kiện bắt buộc						Điều kiện linh hoạt						
			Có tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn giới đoạn 2016-2020 dưới 35%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo dưới 20%			Đường giao thông đạt tiêu chí 2, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016 - 2020	Trường tiểu học đạt tiêu chí 5. Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Hệ thống thủy lợi đạt tiêu chí 3, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Điện đạt tiêu chí 4, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Cơ sở vật chất văn hóa đạt tiêu chí 6.1, 6.3 Bộ tiêu chí quốc gia về NTM	Đài truyền thanh đạt tiêu chí 8.3, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch đạt tiêu chí 17.1, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM	Có trên 15% đại diện hộ nghèo, cận nghèo trong xã và trên 50% tổng số cán bộ cơ sở đã được tập huấn nâng cao năng lực thuộc Chương trình 135 và các chương trình, dự án, chính sách khác giai đoạn 2016-2020	
			Tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo (%)	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Kết quả										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
XI	HUYỆN THẠCH THÀNH														
1	Xã Thành Yên	Không đạt	44,97	25,22	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
2	Xã Thạch Lâm	Không đạt	47,76	21,64	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
3	Xã Thạch Tượng	Không đạt	56,82	20,53	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không hoàn thành
4	Xã Thành Công	Không đạt	49,32	16,93	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
5	Xã Thành Mỹ	Không đạt	33,99	18,05	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không hoàn thành
6	Xã Thành Minh	Không đạt	43,72	18,40	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không hoàn thành
7	Xã Thành Tân	Không đạt	19,77	9,35	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
XII	HUYỆN TRIỆU SƠN														
1	Xã Bình Sơn	Không đạt	49,41	33,07	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
2	Xã Thọ Bình	Không đạt	31,76	25,41	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
3	Xã Triệu Thành	Không đạt	41,71	24,41	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không hoàn thành
XIII	HUYỆN TĨNH GIA														
1	Xã Tân Trường	Không đạt	19,51	7,28	Đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành
2	Xã Phú Sơn	Không đạt	25,18	12,59	Đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không hoàn thành